

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2018/HSST.

Ngày 30 - 11- 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng;
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ngân;
Ông Nguyễn Kim Minh;
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nông Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 108//2018/HSST ngày 08/11/10/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Nguyễn Văn T Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 03 tháng 3 năm 1991 tại: Huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội

Nơi cư trú: thôn Đ , xã G , huyện B , tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh ; tôn giáo: không ;trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: tự do; con ông: Nguyễn Văn K ,sinh năm 1965 và con bà Phùng Thị T (đã chết) mẹ kế: Phạm Thị H ,sinh năm 1974, hiện cả hai cùng trú tại thôn Đ , xã G , huyện B , tỉnh Lào Cai; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo có nhân thân xấu: Tại bản án số 121/2012 ngày 24/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 19/5/2015 bị cáo chấp hành xong trở về địa phương, đến nay đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2018. Hiện đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai- có mặt.

2. Họ và tên: Phàn Xuân L; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 08/3/1993 tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn K8 , xã B , huyện B , tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Phan Văn Đ , sinh năm 1967 và con bà Lù Thị M , sinh năm 1970. Hiện cả hai cùng trú tại: thôn K8, xã B , huyện B , tỉnh Lào Cai; bị cáo chưa có vợ, con;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2018. Hiện đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai- có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Anh D; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 06/6/1990 tại xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn Đ , xã G , huyện B , tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Anh T , sinh năm 1964 và con bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1964. Hiện trú tại: thôn Đ , xã G , huyện B , tỉnh Lào Cai; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền sự: không; tiền án: có 01 tiền án: Ngày 21/3/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến nay bị cáo chưa thi hành xong bản án trên về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2018. Hiện đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai- có mặt.

4. Họ và tên: Nguyễn Thùy D; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 23/02/1987 tại phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C , xã A , huyện V , tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1962, hiện trú tại xã G, huyện T , tỉnh Yên Bái và con bà Nguyễn Thị K , sinh năm 1961; trú tại: Tổ 43, phường H , thành phố Y , tỉnh Yên Bái; có vợ Lê Thị L , sinh năm 1994; có 01 con Nguyễn Lê Bảo L , sinh năm 2018. Hiện cả hai cùng trú tại thôn C xã An T , huyện V , tỉnh Yên Bái;

Tiền sự: không; tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 27/11/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thi hành xong tháng 10 năm 2015 đến nay chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2018. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai- có mặt.

5. Họ và tên: Nguyễn Văn T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 20/12/1990 tại thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Nơi cư trú: Thôn B , xã S , thành phố L , tỉnh Lai Châu.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1966, con bà Lê Thị M , sinh năm 1967. Cả hai cùng trú tại: thôn B , xã S , thành phố L, tỉnh Lai Châu; bị cáo có vợ Hoàng Thị Thu H ,sinh năm 1987; có 01 con Nguyễn Đức D , sinh năm 2014. Hiện cả hai cùng trú tại: thôn B , xã S , thành phố L , tỉnh Lai Châu; tiền án: không ; tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang thi hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu - Có mặt.

*** Những người bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị T .

Địa chỉ: đường D1, tổ 30, phường K , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Đặng Thị H ;

Địa chỉ: đường Nhạc Sơn, tổ 29, phường K , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh D Văn T ;

Địa chỉ: Tổ 19b, phường D , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Hoàng Văn C ;

Địa chỉ: Tổ 08, phường B , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chị Bùi Thị H ;

Địa chỉ: đường T , tổ 02, phường N thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Anh Phan Văn H ;

Địa chỉ: Tổ 14, phường N , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Minh T ;

Địa chỉ: Đoàn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Anh Hà Văn T ;

Địa chỉ: đường N , tổ 19, phường D , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Việt H ;

Địa chỉ: đường P , phường B , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Anh Chín Văn Q ;

Địa chỉ: đường T5, tổ 13, phường B , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Anh Vũ Văn B ;

Địa chỉ: Tổ 03, phường P , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Anh Nguyễn Bá K ;

Địa chỉ: đường Đ , tổ 25A, phường D thành phố L tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Chị Chủ Thị K ;

Địa chỉ: đường N , tổ 26, phường B , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Anh Nguyễn Đức A ;

Địa chỉ: đường H , tổ 15, phường P , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Anh Phùng Việt H ;

Địa chỉ: đường H , phường K , thành phố , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

16. Anh Lục Văn M ;

Địa chỉ: Tổ 26A, phường P , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

17. Anh Đoàn Hữu T ;

Địa chỉ: đường N , tổ 37, phường K , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

18. Anh Đỗ Hữu L ;

Địa chỉ: đường H , phường C , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

19. Anh Nguyễn Minh G ;

Địa chỉ: đường N , phường Phố Mới, thành phố L -vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

20. Anh Vũ Xuân B ;

Địa chỉ: Tổ 19, phường B , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

21. Chị Nghiêm Thị H ;

Địa chỉ: Tổ 17, phường D , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

****Những người có quyền lợi liên quan:***

1. Anh Nguyễn Tuấn A

Địa chỉ: Thôn 18, xã L , huyện V , tỉnh Yên Bái- vắng mặt

2. Anh Vũ Văn L

Địa chỉ: đường T , tổ 02, khu 3, thị trấn M , huyện V , tỉnh Yên Bái- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Vũ Tuấn L

Địa chỉ: Thôn 11, thị trấn M , huyện V, tỉnh Yên Bái- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Đào Ngọc H

Địa chỉ: Thôn 4, xã L , huyện V , tỉnh Yên Bái- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh Bàn Tồn T

Địa chỉ: Thôn K , xã X huyện V , tỉnh Yên Bái- vắng mặt

6. Anh Đặng Anh T

Địa chỉ: Khu tập thể Trại giam Công an tỉnh L- vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Anh Lê Tuấn N ;

Địa chỉ: Thôn T , xã C , thành phố L tỉnh Lào Cai – vắng mặt

8. Anh Nguyễn Văn T

Địa chỉ: Tổ 16, phường T thành phố L , tỉnh Lai Châu- vắng mặt

9. Bà Lê Thị L ;

Địa chỉ: Thôn T , xã C , thành phố L , tỉnh Lào Cai- vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ là bạn bè với nhau từ trước, đầu tháng 11 năm 2017 bị cáo Nguyễn Văn T rủ bị cáo Phan Xuân L đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo Phan Xuân L đồng ý. Quá trình thực hiện bị cáo Nguyễn Văn T rủ thêm bị cáo Nguyễn Anh D cùng thực hiện. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn T chuẩn bị 03 chiếc cờ lê, 01 con dao gấp bấm bằng kim loại, 03 đoạn kim loại có một đầu hình lục giác, một đầu được mài nhọn, 01 vạm tay công bằng kim loại hình chữ T dùng để phá ổ khóa điện, 01tô vít dùng để trộm cắp xe. Thời gian từ ngày 09/11/2017 đến ngày 23/5/2018, các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L và Nguyễn Anh D đã thực hiện 21 vụ, trộm cắp 21 chiếc xe mô tô các loại trên địa bàn thành phố Lào Cai. Số xe mô tô trộm cắp được các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L đem bán cho bị cáo Nguyễn Thùy D và bị cáo Nguyễn Văn T cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 0 giờ ngày 09/11/2017, bị cáo Phan Xuân L chở bị cáo Nguyễn Văn T bằng xe máy HONDA DREAM (không có biển kiểm soát) đi lang thang các nhánh đường trên địa bàn thành phố Lào Cai mục đích tìm kiếm xe máy sơ hở để trộm cắp. Khi cả hai người đến số nhà 019, đường D1, Tổ 30 phường Kim Tân, thành phố Lào Cai thấy chiếc xe máy HONDA DREAM, BKS 24K6 - 2782 là tài sản của chị Nguyễn Thị T , dựng trên hành lang hè phố trước cửa nhà không có người trông coi. Bị cáo T xuống xe đi bộ tiến lại chiếc xe máy trên, còn

bị cáo L đứng chờ canh giới. Khi đến gần chiếc xe, bị cáo đứng bên trái xe và dùng tay phải cầm Vam phá khóa cắm vào ổ khóa xe vặn ngược theo chiều kim đồng hồ, đèn xanh báo, bị cáo T dắt lùi xe xuống lòng đường rồi đạp nổ máy. Sau đó bị cáo T và bị cáo L mỗi người một xe đi theo quốc lộ 4E về khu vực Gia Phú, Bảo Thắng, trên đường đi bị cáo T dùng cờ lê mang theo tháo biển kiểm soát của xe và vớt biển kiểm soát đó xuống suối, dùng cửa sắt mang theo chà số khung, số máy. Bị cáo T và L đem xe xuống Văn Yên, Yên Bái. Khi về đến Văn Yên bị cáo T điện cho bị cáo Nguyễn Thùy D với nội dung có chiếc xe không giấy tờ muốn bán, bị cáo D biết là do chiếc xe trên do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua, mục đích bán kiếm lời. Các bị cáo bán chiếc xe trên cho Nguyễn Thùy D với giá với giá 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Số tiền bán xe bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), số còn lại bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua xe bị cáo Nguyễn Thùy D đã bán lại cho người khác với giá 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) bị cáo Nguyễn Thùy D không nhớ là bán cho ai, ở đâu. Đến nay Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe trên.

Ngày 29/05/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 10.600.000đ (*Mười triệu sáu trăm nghìn đồng*). Chị Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L liên đới bồi thường số tiền 10.600.000đ tương đương với giá trị chiếc xe các bị cáo đã trộm cắp.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày ngày 15/11/2017, bị cáo Phan Xuân L chở bị cáo Nguyễn Văn T bằng xe máy HONDA DREAM (không có biển kiểm soát) đi lang thang các nhánh đường trên địa bàn thành phố Lào Cai mục đích để trộm cắp xe máy, khi cả hai đến nhà số 330, đường Nhạc Sơn, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai T thấy chiếc xe WAVE ANPHA màu đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát 24B1- 925.61 là tài sản của chị Đặng Thị H dựng trong ngõách lối ra vào phòng trọ, cổng không đóng khóa, không có người trông coi. Bị cáo T xuống xe đi vào ngõách trọ, thấy không có ai nên dùng tay phải cầm vam phá khóa mang theo tra vào ổ khóa điện và vặn theo chiều kim đồng hồ, đèn xanh bật sáng, bị cáo T dắt lùi xe ra ngoài đường và nổ máy đi theo hướng cầu Kim Tân, bị cáo L đi xe máy theo sau. Cả hai đi xuống huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mục đích để bán xe. Trên đường đi bị cáo T dùng cờ lê mang theo tháo biển số và vớt xuống sông, cùng lúc dùng lưỡi cửa sắt chà số khung, số máy. Các bị cáo tiếp tục đi thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái thỏa thuận bán chiếc xe trộm cắp được cho bị cáo Nguyễn Thùy D, bị cáo D biết là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), số tiền bán xe có được bị cáo T chia cho bị cáo L 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền còn lại bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua xe bị cáo Nguyễn Thùy D bán cho anh Nguyễn Tuấn A (Sinh năm 1991, trú tại: Thôn 18, xã Lâm Giang, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái) với giá 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 29/05/2018, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 14.025.000đ (*Mười bốn triệu, không trăm hai mươi năm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của chị Đặng Thị H nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đặng Thị H theo biên bản trao trả ngày 27/7/2018. Sau khi nhận lại tài sản chị Đặng Thị H không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Anh Nguyễn Tuấn A mua lại chiếc xe trên nhưng không biết là xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp. Số tiền Nguyễn Tuấn A đã bỏ ra để mua xe đến nay anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại nên không đề cập giải quyết.

Vụ thứ ba: Khoảng 20 giờ ngày 04/12/2017, bị cáo Phan Xuân L chở bị cáo Nguyễn Văn T bằng xe máy HONDA DREAM (không có biển kiểm soát) đi lang thang trong thành phố Lào Cai mục đích tìm kiếm xe máy sơ hở để trộm cắp. Khi hai người đến đường T5, thuộc tổ 15A, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai thì bị cáo T nhìn thấy một chiếc xe máy HONDA DREAM, màu nâu, biển kiểm soát 24B1-405.10 là tài sản của anh D Văn T (Sinh năm 1986, trú tại: Tổ 19B, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) để trước cửa số nhà 020A, không có người trông coi. Bị cáo T bảo bị cáo L dừng xe và đứng cảnh giới. Bị cáo T đi bộ tiến lại gần chiếc xe máy trên dùng tay phải cầm vạm phá khóa mang theo tra vào ổ khóa điện và vật theo chiều kim đồng hồ. Đèn báo bật sáng và dắt xe xuống lòng đường và nổ máy đi ra hướng đường Trần Hưng Đạo, bị cáo L đi xe máy theo phía sau. Sau đó bị cáo T và L đi xe máy về thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo đường ven sông Hồng. Trên đường đi bị cáo T dùng cờ lê tháo chiếc biển kiểm soát chiếc xe trộm cắp được vớt dọc đường đến nay không nhớ ở đâu và dùng cưa sắt trà số khung, số máy. Bị cáo T và L bán chiếc xe trộm được cho bị cáo Nguyễn Thùy D, bị cáo D biết là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Số tiền bán xe có được bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ (Hai triệu đồng), số còn lại bị cáo T sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua xe bị cáo Nguyễn Thùy D đã bán lại cho người khác với giá 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) đến nay D không nhớ là bán cho ai, ở đâu. Do đó, Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe trên.

Ngày 11/9/2018, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*). Anh D Văn Tý yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L liên đới bồi thường cho anh trị giá chiếc xe theo kết luận định giá tài sản là 17.600.000đ (*Mười bảy triệu đồng*). Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L nhất trí bồi thường nhưng chưa có tài sản để bồi thường.

Vụ thứ tư: Khoảng 19 giờ ngày 07/12/2017, bị cáo Phan Xuân L và bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục đi lang thang trong thành Phố Lào Cai với mục đích tìm kiếm xe trộm cắp. Hai người đi đến khu vực đường B4B thuộc tổ 8, phường Bắc Cường, thành Phố Lào Cai bị cáo T phát hiện chiếc xe DREAM màu nâu, BKS 24B1 - 062.10, là xe của Hoàng Văn C, sinh năm 1981, trú tại Tổ 8, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai dựng trên hè phố vào cửa nhà số 096, không có người trông coi. Bị cáo T dùng vạm phá khóa tra vào ổ khóa điện và vặn theo chiều kim đồng hồ, đèn báo bật sáng xanh thì bị cáo T dắt lùi xe xuống lòng đường, đạp nổ máy đi ra đường Trần Hưng Đạo đi xuống Văn Yên, Yên Bái mục đích để bán xe. Trên đường đi bị cáo T dùng cờ lê tháo biển kiểm soát của xe trộm cắp được và vứt xuống sông Hồng và dùng lưới cửa sắt trà số khung, số máy và xuống thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái bán cho Nguyễn Thùy D; bị cáo D biết là xe trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Số tiền bán xe bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), số còn lại bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Sau đó bị cáo Nguyễn Thùy D bán chiếc xe trên cho anh Vũ Văn L (Sinh năm 1995, trú tại: Số nhà 61, đường Trần Hưng Đạo, tổ 2, khu 3, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái với giá 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Vũ Văn L bán lại cho Vũ Tuấn Linh (sinh năm 1994, trú tại thôn 11, xã Mậu Đông, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái) với giá 7.000.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe để điều tra.

Ngày 17/07/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 15.600.000đ (*Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của Hoàng Văn C nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Hoàng Văn C theo biên bản trao trả ngày 30/7/2018. Sau khi nhận lại tài sản anh Hoàng Văn C không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

- Đối với Vũ Văn L và Vũ Tuấn L đã mua bán chiếc xe trên nhưng không biết là xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Cả hai người không có yêu cầu gì về việc bồi thường nên không đề nghị giải quyết.

Vụ thứ năm: Khoảng 18 giờ ngày 11/12/2017, bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L đi bộ lang thang thì phát hiện chiếc xe máy HONDA DREAM, biển kiểm soát 24K1-1232, là xe của chị Bùi Thị H (sinh năm 1957, cư trú tại nhà số 11, đường Tùng Tung, tổ 12, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai dựng trong sân nhà, không có ai trông coi. Bị cáo L đứng cạnh giới còn Bị cáo T đến chỗ chiếc xe dùng tay phải cầm vạm phá khóa tra vào ổ khóa điện và vặn theo chiều kim đồng hồ, đèn báo số 2 bật sáng xanh và dắt xe ra ngoài đường, nổ máy đi đến chỗ bị cáo L đang đứng đợi. Bị cáo T chở bị cáo L đi thẳng về huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Trên đường đi bị cáo T dùng cờ lê tháo biển số vứt xuống sông và dùng

lưỡi cửa sắt trà số khung, số máy. Hai người bán chiếc xe trộm cắp được cho bị cáo Nguyễn Thùy D; bị cáo Nguyễn Thùy D biết là xe trộm cắp nhưng vẫn mua với giá 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Số tiền bán xe có được bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Sau khi mua chiếc xe trên bị cáo Nguyễn Thùy D bán chiếc xe một người thanh niên tên là Toàn nhà ở Trái Hút, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái với giá 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*). Đến nay cơ quan điều tra đã xác minh không có đối tượng tên Toàn nhà ở Trái Hút, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái do đó không thu giữ được chiếc xe trên.

Ngày 17/07/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 9.833.000đ (*Chín triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*)(bút lục 684 -685). Chị Bùi Thị H yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L liên đới bồi thường cho chị số tiền 9.833.000đ (*Chín triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tương đương với giá trị chiếc xe theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản. Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L nhất trí bồi thường nhưng chưa có tài sản để bồi thường.

Vụ thứ sáu: Khoảng 15 giờ ngày 06/01/2018 bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L đi bộ đến khu vực đường Nguyễn Trường Tộ, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai mục đích để tìm xe máy trộm cắp. Khi hai người đến số nhà 145, đường Nguyễn Trường Tộ thì bị cáo T và L phát hiện một chiếc xe nhãn hiệu HONDA DREAM biển số 24B1-100.60, là xe của anh Phạm Văn H (Sinh năm 1989, trú tại Tổ 14, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai). Xe chỉ khóa điện, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa. Quan sát thấy không có người xung quanh bị cáo T lấy trộm chiếc xe, nổ máy ra đi ra ngoài đường. Hai người lấy trộm được xe và đi lên đường Cao Tốc Nội Bài – Lào Cai, trên đường đi bị cáo T tháo biển kiểm soát vớt dọc đường đến nay không nhớ ở chỗ nào và dùng cửa sắt tẩy xóa số khung, số máy. Hai người đem xe xuống thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái bán cho bị cáo Nguyễn Thùy D, bị cáo D biết rõ là xe trộm cắp nhưng vẫn mua với giá 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Số tiền bán xe có được bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ, số còn lại bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua xe bị cáo Nguyễn Thùy D bán cho Đào Ngọc Hà (Sinh năm 1989, trú tại: thôn 4, xã Lâm Giang, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái) với giá 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*). Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe trên để điều tra.

Ngày 07/09/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 14.666.000đ (*Mười bốn triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn*).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của anh Phạm Văn H nên ngày 10/10/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phạm Văn H. Sau khi nhận lại tài sản anh Phạm Văn H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Đối với Đào Ngọc H khi mua chiếc xe trên không biết là xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Đến nay Đào Ngọc H không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không đề cập giải quyết.

Vụ thứ bảy: Khoảng 23 giờ ngày 29/01/2018, bị cáo Phan Xuân L điều khiển xe máy HONDA DREAM (Không biển kiểm soát) chở bị cáo Nguyễn Văn T đi đến khu Thương Mại Kim Thành để tìm xe máy trộm cắp. Khi hai người đi đến chốt kiểm soát biên phòng Kim Thành thì phát hiện trên làng lang trạm kiểm soát cửa khẩu Kim Thành có dựng một chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA DREAM, biển kiểm soát 24K2- 1779 là tài sản của anh Nguyễn Minh T (sinh năm 1971, trú tại: Đồn Biên Phòng cửa khẩu quốc tế Lào Cai), không có người trông coi. Bị cáo T bảo L đứng cạnh giới còn bị cáo T đi lại gần chiếc xe máy trên và dùng tay phải cầm vạm phá khóa tra vào ổ khóa điện vặn theo chiều kim đồng hồ, đèn báo bật sáng xanh và dắt lùi xe xuống đường, nổ đi. Sau đó bị cáo T và bị cáo L đi theo đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai xuống thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên bán chiếc xe trộm cắp được cho bị cáo Nguyễn Thùy D; bị cáo Nguyễn Thùy D biết là xe do bị cáo T trộm cắp nhưng vẫn mua với giá 5.000.000đ (*Năm Triệu đồng*). Số tiền bán xe có được bị cáo chia T chia cho bị cáo L 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), số còn lại bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua xe bị cáo Nguyễn Thùy D đã bán lại cho người khác với giá 6.000.000đ đến nay D không nhớ là bán cho ai, ở đâu. Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe trên.

Ngày 29/05/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 8.666.000đ (*Tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) (bút lúc 686 - 687). Anh Nguyễn Minh T yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L liên đới bồi thường cho anh số tiền 8.666.000đ (*Tám triệu Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) giá trị chiếc xe theo kết luận định giá tài sản. Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L nhất trí bồi thường nhưng chưa có tài sản để bồi thường.

Vụ thứ tám: Vào khoảng 20 giờ ngày 04/02/2018, bị cáo Phan Xuân L điều khiển xe máy HONDA DREAM (Không biển kiểm soát) chở bị cáo Nguyễn Văn T đi thang thang mục đích tìm xem có xe máy để trộm cắp. Khi đi đến số nhà 213F, đường Nguyễn Khuyến, Tổ 19, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai bị cáo T phát hiện một chiếc xe có chiếc xe WAVA anpha, biển kiểm soát 24B1- 933.03 màu trắng đen là tài sản của anh Hà Văn T trú tại địa chỉ trên. Xe dựng ở vỉa hè, không có người trông coi nên bị cáo T bảo bị cáo L đứng chờ cạnh giới, còn bị cáo T tiến lại gần chiếc xe máy trên dùng Vạm phá khóa cầm vào ổ khóa điện vặn theo chiều kim đồng hồ, đèn xanh bật sáng, dắt lùi xe ra ngoài đường, đạp nổ đi về phía L. Sau đó bị cáo T và bị cáo L đi theo đường ven bờ sông Hồng mục đích xuống huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái để bán. Trên đường đi bị cáo T dùng cờ lê tháo biển số và dùng lưỡi cưa sắt chà số khung, số máy. Hai người đem chiếc xe trên bán cho bị cáo Nguyễn Thùy D, bị cáo D biết là T trộm cắp nhưng vẫn thỏa thuận mua với

giá 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền bán xe có được bị cáo T chia cho bị cáo L 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), số còn lại bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua xe bị cáo Nguyễn Thùy D đã bán lại cho người khác với giá 4.500.000đ đến nay D không nhớ là bán cho ai, ở đâu. Đến nay Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe trên.

Ngày 29/05/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 13.600.000đ (Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Anh Hà Văn T yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L liên đới bồi thường cho anh số tiền 13.600.000đ (Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng) giá trị chiếc xe theo kết luận định giá tài sản. Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L nhất trí bồi thường nhưng chưa có tài sản để bồi thường.

Vụ thứ chín: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 11/4/2018, bị cáo Nguyễn Anh D điều khiển xe máy Honda WaveS biển kiểm soát 24B1 - 086.72 mượn của mẹ bị cáo D chở bị cáo Nguyễn Văn T đi lang thang tìm xe máy sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến dãy nhà trọ số 180, đường Phú Thịnh, phường Bắc Cường thì phát hiện có 01 xe máy nhãn hiệu Honda EXCITER, BKS 21E1 - 303.11, là tài sản của anh Nguyễn Việt H (sinh năm 1992, trú tại địa chỉ trên) dựng ở hành lang lối vào dãy trọ, trước cửa phòng số 9. Bị cáo T đi đến chỗ chiếc xe dùng vạm phá khóa cắm vào ổ khóa điện vặn theo chiều kim đồng hồ, khi đèn báo bật sáng bị cáo dắt ra đường Phú Thịnh nổ máy đi cùng bị cáo Nguyễn Anh D, sau đó bị cáo Nguyễn Anh D về nhà, còn bị cáo T đi xe trộm cắp được xuống thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mục đích để bán xe. Trên đường đi bị cáo T dùng Cờ lê tháo biển kiểm soát vớt dọc đường đến nay bị cáo T không nhớ ở vị trí nào, dùng cửa sắt chà số khung, số máy. Về đến thị trấn Mậu A bị cáo T bán cho bị cáo Nguyễn Thùy D được 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*), bị cáo biết chiếc xe trên do bị cáo T trộm cắp mà có. Số tiền bán xe bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua được xe bị cáo Nguyễn Thùy D bán lại cho Bàn Tồn Thim (sinh năm 2001, trú tại: Thôn Khe Đóm 1, xã Xuân Tầm, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái) với giá 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*). Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe để điều tra.

Ngày 10/09/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 36.320.000đ (*Ba mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của anh Nguyễn Việt H nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Việt H theo biên bản trao trả ngày 12/9/2018. Sau khi nhận lại tài sản anh Nguyễn Việt H không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Bàn Tồn Thim mua lại chiếc xe trên nhưng không biết là xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Đến nay Bàn Tồn Thim không yêu cầu bồi thường gì về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

Vụ thứ mười: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17/04/2018 bị cáo Phan Xuân L điều khiển xe máy HONDA DREAM (Không biển kiểm soát) chở bị cáo Nguyễn Văn T đi thang thang tìm xe máy để trộm cắp. Khi hai người đến số nhà 006 đường T5, tổ 13 phường Bình Minh, thành phố Lào Cai thì phát hiện một chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu trắng - đỏ, biển số: 24B1- 857.76, là tài sản của anh Chín Văn Q cư trú tại địa chỉ trên, dựng trên hành lang hè phố cửa nhà. Bị cáo T bảo bị cáo L dừng xe lại, bị cáo L đứng cạnh giới cho bị cáo T. Bị cáo T dùng vạm khóa mang theo tra vào ổ khóa điện và vặn theo chiều kim đồng hồ, thấy mặt đồng hồ báo sáng bị cáo T dắt lùi xe ra ngoài đường, đề nổ máy và điều khiển xe máy ra chỗ bị cáo L. Sau đó hai người điều khiển hai xe máy lên cửa khẩu Kim Thành, bị cáo T dùng cờ lê mang theo tháo biển số vớt xuống sông Hồng và dùng lưỡi cưa sắt chà số khung, số máy. Bị cáo T đi xe trộm cắp được đến Trạm thu phí nút giao Bảo Hà bán cho một người quen của bị cáo Nguyễn Thùy D khoảng 20 tuổi (bị cáo Nguyễn Thùy D không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này) với giá 10.000.000đ (*mười triệu đồng*). Số tiền bán xe bị cáo Nguyễn Văn T chi tiêu cá nhân hết. Do không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người thanh niên trên nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh thu giữ vật chứng.

Ngày 29/05/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 34.125.000đ (*Ba mươi bốn triệu, một trăm hai mươi năm nghìn đồng*). Anh Chín Văn Q yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L liên đới bồi thường cho anh số tiền 34.125.000đ (*Ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng*) trị giá chiếc xe theo kết luận định giá tài sản. Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L nhất trí bồi thường nhưng chưa có tài sản để bồi thường.

Vụ thứ mười một: Vào khoảng 19h tối ngày 19/4/2018, bị cáo Phan Xuân L điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Dream (không có biển kiểm soát) chở bị cáo T đi lang thang tìm xe máy để trộm cắp. Khi hai người đi đến số nhà 034, đường Nguyễn Công Hoan, thuộc tổ 1, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai thì phát hiện chiếc xe máy, nhãn hiệu Honda Wave an pha màu trắng – đen – bạc, biển kiểm soát; 24B1 – 947.56 là tài sản của anh Vũ Văn B (sinh năm 1994, trú tại Tổ 3, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai) dựng trên hành lang vỉa hè không có người trông coi. Bị cáo T xuống xe và đi thẳng chỗ chiếc xe máy trên, dùng tay phải dùng vạm phá khóa mang theo cắm vào ổ khóa điện vặn theo chiều kim đồng hồ, thấy đèn báo bật sáng xanh, bị cáo T liền dắt xe lùi xuống đường đề nổ và đi ra chỗ bị cáo L đứng chờ. Theo lời khai của bị cáo T, hai người mang chiếc xe máy trên lên thành phố Lai Châu bán, trên đường đi bị cáo T dùng cờ lê mang theo tháo biển kiểm soát vớt đi và dùng lưỡi cưa sắt chà số khung, số máy. Đến nay bị cáo Nguyễn Văn T không nhớ đã bán chiếc xe trên cho bị Nguyễn Thùy D hay bị cáo Nguyễn Văn T. Bị cáo T chỉ nhớ đã bán chiếc xe trên được 5.000.000đ (năm triệu

đồng). Số tiền bán xe bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ, số còn lại bị cáo T chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 17/07/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 12.513.600đ (*Mười hai triệu, năm trăm mười ba nghìn, sáu trăm đồng*).

Quá trình điều tra do không xác định được bị cáo T đã bán cho ai, số xe Cơ quan điều tra đã tạm giữ không xác định được chiếc xe nào của anh Vũ Văn B nên không có căn cứ để trả lại cho anh Vũ Văn B. Nay anh Vũ Văn B yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L liên đới bồi thường cho anh số tiền 12.513.600đ (*Mười hai triệu năm trăm mười ba nghìn sáu trăm đồng*) trị giá chiếc xe theo kết luận định giá tài sản. Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L nhất trí bồi thường nhưng chưa có tài sản để bồi thường.

Đối với Nguyễn Văn Nguyễn được bị cáo Nguyễn Văn T cho mượn xe nhưng không biết xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan không đề cập xử lý đối với Nguyễn Văn Nguyễn là có căn cứ.

Vụ thứ mười hai: Vào khoảng 20h tối ngày 28/4/2018, bị cáo Phan Xuân L điều khiển xe máy Honda Dream (không có biển kiểm soát) chở bị cáo Nguyễn Văn T đi lang thang trong khu vực đường Điện Biên, phường Duyên Hải mục đích tìm kiếm, trộm cắp xe. Cả hai đến số nhà 365, đường Điện Biên, thuộc tổ 25A, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai thì phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha, biển kiểm soát: 19G1 – 105.87 là tài sản của anh Nguyễn Bá K (Sinh năm 1998, trú tại địa chỉ trên) dựng trên hành lang hè phố trước cửa nhà, không có người trông coi. Bị cáo T xuống xe đi lại gần chiếc xe máy trên và dùng vạm phá khóa cắm vào ổ khóa điện vặn theo chiều kim đồng hồ, đèn báo màu xanh và dắt xe xuống đường, đạp nổ và đi ra vị trí bị cáo L đứng chờ. Sau đó bị cáo T và bị cáo L mang chiếc xe trên lên thành phố Lai Châu, trên đường đi bị cáo T dùng cờ lê tháo biển kiểm soát và vứt bên lề đường (cụ thể chỗ nào bị cáo T không nhớ). Đến thành phố Lai Châu gặp bị cáo Nguyễn Văn T và thỏa thuận bán cho bị cáo Nguyễn Văn T với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng), bị cáo T biết chiếc xe trên là do bị cáo Nguyễn Văn T trộm cắp mà có nhưng vẫn mua mục đích để kiếm lời. Số tiền bán xe có được bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ (hai triệu đồng), số còn lại bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua được chiếc xe trên bị cáo Nguyễn Văn T bán lại cho lại cho Đặng Anh Tuấn (sinh năm 1994, trú tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu) với giá 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*). Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe để điều tra.

Ngày 17/07/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 7.647.200đ (*Bảy triệu, sáu trăm bốn bảy nghìn, hai trăm đồng*).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của anh Nguyễn Bá K nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Bá K theo biên bản trao trả ngày 24/7/2018. Sau khi nhận lại tài sản anh Nguyễn Bá K không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Đặng Anh T mua chiếc xe trên nhưng không biết là xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Đặng Anh T là có căn cứ. Đến nay anh Đặng Anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại cho anh số tiền đã bỏ ra để mua xe nên không đề cập giải quyết.

Vụ thứ mười ba: Khoảng 17 giờ ngày 03/05/2018, Bị cáo Nguyễn Văn T gọi điện rủ bị cáo Nguyễn Anh D đi trộm cắp xe máy, bị cáo D đồng ý và điều khiển xe máy HONDA WAVE S mượn của mẹ bị cáo đi lên Lào Cai. Đến khoảng 16 giờ Nguyễn Anh D đến gặp bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L. Cả ba người đi thang thang tìm xe máy không có người trông coi để trộm cắp. Khi đi đến số nhà 128, đường Nguyễn Thăng Bình, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai cả ba phát hiện một chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, màu đen - bạc, biển số: 24P6- 4259 dựng trên hành lang hè phố trước cửa nhà, không có người trông coi. Bị cáo T bảo bị cáo Nguyễn Anh D và bị cáo Phan Xuân L đứng canh giới, bị cáo T xuống xe và đi đến gần chiếc xe máy trên, bị cáo T dùng vạm phá khóa cắm vào ổ khóa điện, vặn theo chiều kim đồng hồ, khi đèn bật sáng, bị cáo T dắt lùi xe xuống lòng đường, đề nổ máy đi ra vị trí bị cáo L và bị cáo Nguyễn Anh D đứng chờ. Sau đó đi vào xã Cốc San, huyện Bát Xát, bị cáo T đưa cho bị cáo L mang xe máy trộm cắp được lên thành phố Lai Châu bán (Trước khi giao xe cho bị cáo L bị cáo T đã tháo biển số và chà số khung, số máy). Khi gần đến thành phố Lai Châu bị cáo Phan Xuân L làm chiếc xe bị tắt máy, nên bị cáo L gọi cho T, sau đó T bắt xe khách lên nơi bị cáo L đang đứng chờ. Sau khi nổ được lại máy thì bị cáo T lên thành phố Lai Châu và bán cho bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo T biết xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng), bị cáo T đem về sử dụng cho mục đích cá nhân.

Ngày 29/05/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của chị Chử Thị K nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Chử Thị K theo biên bản trao trả ngày 24 /7/2018. Sau khi nhận lại tài sản anh Chử Thị K không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Vụ thứ mười bốn: Khoảng 19 giờ ngày 03/5/2018, sau khi giao xe HONDA AIR BLADE vừa trộm cắp được cho Phan Xuân L lên Lai Châu bán thì bị cáo Nguyễn Anh D dùng xe máy của mình chở bị cáo Nguyễn Văn T từ khu vực xã Cốc San, huyện Bát Xát về nhà khi đi đến nhà số 487, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 15, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, bị cáo T nhìn thấy chiếc xe mô tô

SHI150, BKS 24P5 - 6888 của anh Nguyễn Đức A (trú tại địa chỉ trên) dựng ở vỉa hè trước hiên nhà nên bị cáo T bảo D dùng xe lại, D đứng cách khoảng 50m để quan sát và cảnh giới, T đi đến chỗ chiếc xe dùng vạm phá khóa cắm vào ổ khóa điện vặn theo chiều kim đồng hồ, khi đèn báo bật sáng bị cáo T dắt xe xuống đường đề nổ máy bị cáo T đi trước, bị cáo Nguyễn Anh D đi sau. Bị Cáo T điều khiển xe trộm cắp được đi về Gia Phú, Bảo Thắng, trên đường đi bị cáo T dùng cơ lê mang theo tháo chiếc biển số vớt bên lề đường (Bị cáo không nhớ chỗ nào). Sau đó bị cáo T mang chiếc xe máy trộm cắp được xuống thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái gửi bị cáo Nguyễn Thùy D. Sau khi bị cáo T gửi xe cho Nguyễn Thùy D thì bị cáo Phan Xuân L gọi điện cho T nói là đã đi đến Tam Đường Lai Châu, chiếc AIR BLADE bị tắt máy, L không đề nổ được nên bảo T lên xem. Bị cáo T đi từ nhà Nguyễn Thùy D ra đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đón xe lên Lai Châu để gặp L và bán chiếc xe AIR BLADE BKS 24 P6- 4259. Đến ngày 06/05/2018 bị cáo Nguyễn Văn T xuống nhà bị cáo Nguyễn Thùy D lấy chiếc xe máy HONDA SH xuống thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh bán chiếc xe trên cho một đối tượng tên Bảo với giá 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng). Số tiền này bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã xác minh đối tượng tên là Bảo nhưng không rõ, tên tuổi địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu được chiếc xe máy trên và xử lý đối tượng theo quy định.

Ngày 29/05/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 76.000.000đ (*Bảy mươi sáu triệu đồng*). Anh Nguyễn Đức A yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Anh D liên đới bồi thường cho anh trị giá chiếc xe theo kết luận định giá tài sản là 76.000.000đ (*Bảy mươi sáu triệu đồng*). Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Anh D nhất trí bồi thường nhưng chưa có tài sản để bồi thường.

Vụ thứ mười năm: Khoảng 20 giờ ngày 15/5/2018 bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L đi lang thang khu vực phường Kim Tân, thành phố Lào Cai để tìm xe máy trộm cắp. Khi cả hai người đi đến số nhà 032, đường Chu Văn An, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai thì phát hiện một chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA DREAM BKS 21T1 - 7193 là tài sản của anh Phùng Việt H sinh năm 1986, trú tại: Số nhà 282, đường Hoàng Liên phường Kim Tân, thành phố Lào Cai dựng ở hành lang không có người trông coi. Bị cáo T tiến đến vị trí chiếc xe dùng vạm phá khóa lấy trộm chiếc xe trên. Sau đó T và L đi thẳng về huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mục đích để bán xe. Trên đường đi bị cáo T dùng cơ lê mang theo tháo biển số xe vớt bên lề đường và dùng cửa sắt chà số khung số máy đem bán cho Đào Ngọc Hà (sinh năm 1989, trú tại thôn 4, xã Lâm Giang, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái) với giá 5.000.000đồng (Năm triệu đồng). Bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Số tiền còn lại bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe để điều tra.

Ngày 13/07/2018, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 13.233.000đ (*Mười ba triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe là của anh Phùng Việt H nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Phùng Việt H theo biên bản trao trả ngày 17/9/2018. Sau khi nhận lại tài sản anh Phùng Việt H không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Đào Ngọc H mua chiếc xe trên của bị cáo Nguyễn Văn T nhưng không biết là xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp. Đào Ngọc Hà không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Vụ thứ mười sáu: Khoảng 22 giờ ngày 15/5/2018, bị cáo Phan Xuân L điều khiển xe máy HONDA DREAM (không có biển kiểm soát) chở bị cáo Nguyễn Văn T đi lang thang tại khu vực phường Phố Mới, thành phố Lào Cai tìm xe máy để trộm cắp. Khi đi đến khu vực đường Khánh Yên, thuộc tổ 26A, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai thì thấy khu tập thể Đường Sắt không có cổng. Bị cáo T bảo bị cáo L dừng xe đứng đợi cảnh giới, bị cáo T xuống xe đi vào trong khu tập thể thì phát hiện một chiếc xe Wave anpha BKS 24B1 - 358.26 màu xanh của anh Lục Văn M (trú tại: Tổ 26A, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) dựng ở hành lang trước cửa phòng không có người trông coi. Bị cáo T dùng vạm phá khóa cắm vào ổ khóa điện vận theo chiều kim đồng hồ, đèn báo bật sáng xanh, dắt lùi ra lòng đường rồi nổ máy đi ra vị trí bị cáo L đang đứng chờ. Sau đó bị cáo T và bị cáo L đi về huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mục đích để bán xe. Trên đường đi bị cáo T dùng cơ lê tháo biển số xe vứt đi và dùng cửa sắt chà số khung số máy đem bán cho bị cáo Nguyễn Thùy D với giá 3.500.00đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), bị cáo D biết là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua để kiếm lời. Bị cáo T chia cho bị cáo L 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), số tiền còn lại bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo Nguyễn Thùy D để xe tại kho của cửa hàng cầm đồ do chưa kịp tiêu thụ. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe trên để điều tra.

Ngày 17/07/2018, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 7.378.600đ (*Bảy triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, sáu trăm đồng*).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe là của anh Lục Văn M nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lục Văn M theo biên bản trao trả ngày 25/7/2018. Sau khi nhận lại tài sản anh Lục Văn M không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Vụ thứ mười bảy: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/5/2018, bị cáo Phan Xuân L điều khiển xe máy HONDA DREAM (Không có biển kiểm soát) chở bị cáo Nguyễn Văn T đi lang thang các đường nhánh khu vực phường Phố Mới, thành phố Lào Cai tìm xe máy để sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến khu vực đường D1 bờ kè,

thuộc tổ 24A phường Phố Mới, thành phố Lào Cai bị cáo T và L phát hiện có 01 xe máy Wave anpha màu xanh, biển số 34E1-081.48 đen, bạc ở khoảng sân giữa số nhà 048 và 052 là tài sản của anh Đoàn Hữu T trú tại: Số nhà 017, đường Nguyễn Du, Tổ 37, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai), không có người trông coi. Bị cáo L đứng cạnh giới còn bị cáo T đến chỗ chiếc xe và dùng vạm phá khóa cắm vào ổ khóa điện vặn theo chiều kim đồng hồ, đèn báo bật sáng, bị cáo T dắt xe ra ngoài đường rồi đề nổ máy đi về huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo hướng đường men bờ sông. Trên đường đi bị cáo T dùng cơ lê tháo biển số xe vứt đi và dùng cửa sắt chà số khung số máy. Bị cáo T bán chiếc xe trộm cắp được cho bị cáo Nguyễn Thùy D, bị cáo D biết là xe do bị cáo T trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền bán xe có được bị cáo T chia cho bị cáo L 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), số còn lại bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo Nguyễn Thùy D được xe và để tại kho của hiệu cầm đồ đến khi cơ quan Công an thu giữ.

Ngày 17/07/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 7.110.000đ (Bảy triệu, một trăm mười nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe là của anh Đoàn Hữu T nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Đoàn Hữu Tình theo biên bản trao trả ngày 04/10/2018. Sau khi nhận lại tài sản anh Đoàn Hữu Tình không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Vụ thứ mười tám: Khoảng 19 giờ ngày 18/5/2018, bị cáo Nguyễn Văn T đi bộ một mình lang thang khu vực phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai khi đi đến gần số 190, đường Hồng Hà, phường Cốc Lếu, T phát hiện tại trước cửa nhà một xe máy WAVE anpha màu đen, biển số 24B1-847.37 của anh Đỗ Hữu L trú tại số nhà 192, đường Hồng Hà, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai để ở sân nhà số nhà 190, quan sát thấy không có người trông coi bị cáo T tiến gần đến vị trí xe dùng vạm phá khóa dắt xe ra ngoài đường đề nổ và đi thẳng về Bến Đền, xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng thay ổ khóa (bị cáo T không nhớ quán nào). Sau đó, bị cáo T điện thoại cho Lê Tuấn N (sinh năm 1990, trú tại thôn Thác, xã Cam Đường, thành phố Lào Cai) bảo Lê Tuấn N mang chiếc xe trộm cắp được mang đi cầm cố (Ngọc không biết là do T trộm cắp mà có) nên đem cầm cố cho bà Lê Thị L (sinh năm 1959, trú tại: thôn Thác, xã Cam Đường, thành phố Lào Cai) được 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Số tiền này bị cáo T chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 06/09/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 13.600.000đ (Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe là của anh Đỗ Hữu L nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Đỗ Hữu Lập theo biên bản trao trả ngày 05/10/2018. Sau khi nhận

lại tài sản anh Đỗ Hữu L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Bà Lê Thị L và Lê Tuấn N không biết là xe trộm cắp mà có đã nhận cầm cố nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà Lê Thị L và Lê Tuấn N là có căn cứ. Đến nay bà Liên không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

Vụ thứ mười chín: Khoảng 19 giờ ngày 19/5/2018, bị cáo Phan Xuân L điều khiển xe máy Honda Dream không có biển kiểm soát chở bị cáo Nguyễn Văn T từ xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai ra thành phố Lào Cai tìm xe sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến khu vực Km4, QL70 thuộc Tổ 10, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai thì phát hiện chiếc xe máy Honda Dream màu nâu, BKS 24K7 - 5707 của anh Nguyễn Minh G (sinh năm 1976, trú tại nhà số 070, đường Nguyễn Tri Phương, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai) dừng ở ven đường không có người trông coi nên T bảo L dừng xe lại, đứng chờ cảnh giới, bị cáo T dùng Vam phá khóa lấy trộm đem lên thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu mục đích để bán, trên đường đi bị cáo T dùng Cờ lê mang theo tháo biển kiểm soát vớt bên lề đường (vị trí nào bị cáo T không nhớ) và dùng lưỡi cưa chà số khung, số máy. Sau đó đem bán cho bị cáo Nguyễn Văn T với giá 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*), bị cáo T biết là xe do T trộm cắp mà có nhưng vẫn mua để kiếm lời. Số tiền bán xe có được bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ (hai triệu đồng), số tiền còn lại bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo T bán lại cho Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1988, trú tại Tổ 16, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu) với giá 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*). Cơ quan điều tra đã thu giữ để điều tra.

Ngày 29/05/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 12.833.000đ (*Mười hai triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe là của anh Nguyễn Minh G nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Minh G theo biên bản trao trả ngày 24/7/2018. Sau khi nhận lại tài sản anh Nguyễn Minh G không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Nguyễn Văn T mua chiếc xe trên nhưng không biết là xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp. Đến nay anh T không yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Vụ thứ hai mươi: Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 23/5/2018, bị cáo Nguyễn Văn T đi bộ lang thang trên đường Trần Hưng Đạo tìm xe máy sơ hở để trộm cắp, khi đi đến khu vực Tổ 14, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai, phát hiện trước cửa số nhà 24LK03, đường Trần Hưng Đạo chiếc xe máy Honda Super Deram màu nâu, BKS 24P5 - 3000 của ông Vũ Xuân B (sinh năm 1959, trú tại địa chỉ trên) không có người trông coi, bị cáo T tiến gần chiếc xe máy dùng Vam phá khóa lấy trộm và đi thẳng về thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Trên đường đi

bị cáo T dùng Cờ lê tháo biển kiểm soát và dùng cưa sắt chà số khung, số máy. Khi đến Mậu A bị cáo T bán cho bị cáo Nguyễn Thùy D; bị cáo D biết là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá với giá 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Số tiền trên bị cáo T chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo Nguyễn Thùy D mua được xe chưa kịp bán và để xe ở kho của Cửa hiệu cầm đồ. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe trên để điều tra.

Ngày 29/05/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 13.600.000đ (*Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của anh Vũ Xuân B nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Vũ Xuân B theo biên bản trao trả ngày 26/7/2018. Sau khi nhận lại tài sản anh Vũ Xuân B không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Vụ thứ hai mươi mốt: Khoảng 02 giờ ngày 23/5/2018, bị cáo Nguyễn Văn T sau khi bán xe cho Nguyễn Thùy D trở về Lào Cai, bị cáo đi bộ lang thang ở khu vực đường Lê Văn Hữu thì phát hiện chiếc xe Honda AirBlade, BKS 24B1 - 013.59 của chị Nghiêm Thị H dựng ở nhà xe dây trợ, thuộc tổ 17, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, T đi vào nhà xe dùng Vam phá khóa cắm vào ổ khóa điện, vặn theo chiều kim đồng hồ khi đèn báo bật sáng bị cáo T dắt xe xuống đường đề nổ máy và đi thẳng về thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, trên đường đi bị cáo T dùng Cờ lê tháo biển kiểm soát vớt ở dọc đường (bị cáo T không nhớ ở chỗ nào), dùng cưa sắt chà số khung, số máy, sau đó bán cho Vũ Văn L với giá 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Số tiền trên T chi tiêu cá nhân hết. Cơ quan đã tạm giữ chiếc xe trên để điều tra

Ngày 17/07/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lào Cai kết luận giá trị của tài sản bị xâm hại là: 19.328.000đ (*Mười chín triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của chị Nghiêm Thị H nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nghiêm Thị H theo biên bản trao trả ngày 25/7/2018 (bút lục 570). Sau khi nhận lại tài sản chị Nghiêm Thị H không yêu cầu bị can bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Vũ Văn L mua chiếc xe trên của Nguyễn Văn T nhưng không biết là xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Vũ Văn L là có căn cứ. Đến nay Vũ Văn L không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

Cáo trạng số 101/KSĐT ngày 06/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L về tội “ Trộm cắp tài sản” theo theo điểm a, khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Anh D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ

luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thùy D về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c, khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo có hành trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi trộm cắp 21 vụ với tổng giá trị tài sản đã trộm cắp là 376.678.400đ (*Ba trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm đồng*); bị cáo Phan Xuân L có hành vi trộm cắp 16 vụ, với tổng giá trị tài sản đã trộm cắp là 217.830.400đ (*Hai trăm mười bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng*); bị cáo Nguyễn Anh D có hành vi trộm cắp 03 vụ, với tổng giá trị tài sản đã trộm cắp là 131.320.000đ (*Một trăm ba mươi một triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng*). Do đó các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L, Nguyễn Anh D phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp.

Các bị cáo Nguyễn Thùy D và bị cáo Nguyễn Văn T là những người không hứa hẹn trước, nhưng biết rõ là xe các bị cáo trộm cắp mà có nên các bị cáo đã có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bị cáo Nguyễn Thùy D đã tiêu thụ tài sản trộm cắp của các bị cáo 12 lần với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 168.398.600đ (*Một trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm đồng*); bị cáo Nguyễn Văn T đã tiêu thụ tài sản của các bị cáo 03 lần với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 39.480.200đ (*Ba mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi ngàn hai trăm đồng*). Mục đích các bị cáo trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là để bán kiếm lời lấy tiền tiêu sài cho bản thân. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ, hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản và tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Anh D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thùy D về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L, Nguyễn Anh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Nguyễn Thùy D, Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 năm đến 10 năm tù.

Xử phạt bị cáo Phan Xuân L 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy D 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 288; 579, 580 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L, Nguyễn Anh D phải liên đới bồi thường cho các bị hại Nguyễn Thị T, D Văn Tý, Bùi Thị H, Nguyễn Minh T, Hà Văn T, Chin Văn Q, Vũ Văn B, Nguyễn Đức A theo quy định.

Truy thu của các bị cáo các khoản tiền do phạm tội mà có; khoản tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội để nộp vào ngân sách Nhà nước

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.500.000đ do phạm tội mà có của bị cáo Nguyễn Văn T để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu huỷ :

1. 01(một) túi chéo giả da màu nâu đã qau sử dụng, mặt trước của túi có dòng chữ JEEP- BLUO, túi có kích thước 20x 25 cm.

2. 03(ba) Cờ lê bằng sắt màu trắng một đầu hình tròn, trong có nhiều rãnh, một đầu có hình chữ U: Cờ lê số 1 có kích thước dài 18cm, rộng 12 mm, trên thân có dòng chữ “14 YETI ® USA STANDARD 14” và “14 CHROME- VANADIUM 14”; Cờ lê số 2 có kích thước dài 12cm, rộng 10mm, trên thân cả hai mặt có dòng chữ “10 CHROME VANADILM 10”; Cờ lê số 3 có kích thước dài 14cm, rộng 10mm, trên thân có hai dòng chữ “10 CHROME VANADILM 10” và “10 YETI ® USA STANDARD 10”.

3. 01(một) con dao gấp bằng kim loại dài 15cm (khi gấp vào) dài 27cm (khi mở ra), phần lưỡi dao dài 12cm, trên thân lưỡi dao có dòng chữ AK-47CCCP.

4. 03(ba) đoạn kim loại có một đầu hình lục giác, một đầu được đập dẹt gồm: Đoạn thứ nhất có chiều dài 8cm, rộng 8mm; đoạn thứ hai có chiều dài 4.8cm, rộng 8mm và đoạn thứ ba có chiều dài 4.4cm, rộng 8mm.

5. 01(một) văm bằng kim loại có kích thước dài 8cm, phần đầu văm có dòng chữ “ TOP ® CR-V GERMANY8mm” được hàn cố định với một đoạn sắt hình chữ L, phần đầu dài 10,5cm, phần ngắn dài 3,5cm, có đường kính là 0,8cm.

6. 01(một) tô vít có kích thước dài 20cm phần đầu được làm bằng kim loại dài 9cm, phần tay cầm được bọc bằng nhựa có sọc Đỏ-trắng- đen và có nhiều biểu tượng ngôi sao màu trắng.

7. 04(bốn) biển kiểm soát xe mô tô cụ thể như sau: 01 biển kiểm soát 25F4 – 5322; 01 biển kiểm soát 29K1 - 206.65; 01 biển kiểm soát 27T1 – 1511; 01 biển kiểm soát 30S3 - 999.99.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01(một) chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn T số 063391982 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 13/12/2017.

Ngoài ra, còn đề nghị tuyên án phí hình sự ; án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Những người bị hại chị Đặng Thị H , anh Hoàng Văn C , anh Phạm Văn H , anh Nguyễn Việt H, anh Nguyễn Bá K , chị Chữ Thị K , anh Phùng Việt H , anh Lục Văn M , anh Đỗ Hữu L, anh Nguyễn Minh G, anh Vũ Xuân B, chị Nghiêm Thị H, anh Đoàn Hữu T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp nên không ai yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

Đối với những bị hại chị Nguyễn Thị T; anh D Văn Tý, chị Bùi Thị H, anh Nguyễn Minh T, anh Hà Văn T, anh Chín Văn Q, anh Vũ Văn B yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L liên đới bồi thường cho các bị hại giá trị xe theo kết luận định giá tài sản với tổng số tiền là 106.337.000đ(*Một trăm linh sáu triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn đồng*). Cụ thể, các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 10.600.000đ(Mười triệu sáu trăm ngàn đồng);

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L liên đới bồi thường cho anh D Văn Tý số tiền 17.000.000đ(Mười bảy triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L liên đới bồi thường cho chị Bùi Thị H số tiền 9.833.000đ(Chín triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L liên đới bồi thường cho anh anh Nguyễn Minh T số tiền 8.666.000đ(tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L liên đới bồi thường cho anh Hà Văn T số tiền 13.000.000đ(Mười ba triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L liên đới bồi thường cho Chín Văn Q số tiền 34.125.000đ(Ba mươi tư triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phan Xuân L liên đới bồi thường cho anh Vũ Văn B số tiền 12.513.600đ(mười hai triệu năm trăm mười ba ngàn sáu trăm đồng)

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Anh D phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Đức A số tiền 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng).

Đối với những người có quyền lợi liên quan: Anh Nguyễn Tuấn A ; anh Vũ Văn L; anh Vũ Tuấn L ; anh Đào Ngọc H ; anh Bàn Tồn T ; anh Đặng Anh T ; anh Lê Tuấn N; anh Nguyễn Văn T ; bà Lê Thị L đã mua lại tài sản của các bị cáo nhưng đều không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp và những người có quyền lợi liên quan đều không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền mà những người liên quan đã bỏ ra để mua xe trộm cắp nên không đề cập giải quyết.

Đối với chị Lê Thị L là vợ của bị cáo Nguyễn Thùy D đã giao nộp 05(năm) chiếc xe máy bị cáo Nguyễn Thùy D để tại kho của hiệu cầm đồ. Chị Lê Thị L không biết nhưng chiếc xe máy trên là tài sản do trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với 01 chiếc xe Honda WaveS, biển kiểm soát 24B1 - 086.72 bị cáo Nguyễn Anh D dùng để chở các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L đi trộm cắp. Quá trình điều tra xác định là xe của mẹ bị cáo Nguyễn Anh D, bị cáo D mang đi trộm cắp, mẹ của bị cáo không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ đối với chiếc xe trên là phù hợp.

Đối với chiếc xe Honda Dream (không biển kiểm soát) bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L dùng để đi trộm cắp đến nay bị cáo T và bị cáo L không nhớ chiếc xe này đã bán hay để ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với 21 biển kiểm soát của những chiếc xe các bị cáo lấy trộm được, bị cáo Nguyễn Văn T tháo vớt đi đến nay không nhớ đã vớt ở chỗ nào nên Cơ quan điều tra không thu giữ được để trả lại cho các bị hại nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, kết luận định giá tài sản của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thùy D, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Khoảng thời gian từ ngày 09/11/2017 đến ngày 23/5/2018 bị cáo Nguyễn Văn T đã chuẩn bị công cụ, phương tiện để mục đích trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn Văn T đã rủ bị cáo Phan Xuân L, Nguyễn Anh D lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu bằng hình thức đi bộ và đi xe máy lang thang trên đường, thấy tài sản không có người trông coi, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản. Quá trình thực hiện bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện 21 vụ, trộm cắp 21 chiếc xe mô tô các loại trên địa bàn thành phố Lào Cai với tổng giá trị tài sản trộm cắp theo kết luận định giá tài sản là 376.678.400đ (*Ba trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm đồng*) ; bị cáo Phan Xuân L đã tham gia thực hiện 16 vụ, trộm cắp 16 chiếc xe mô tô các loại trên địa bàn thành phố Lào Cai với tổng giá trị tài sản trộm cắp theo kết luận định giá tài sản là 217.830.400đ (*Hai trăm mười bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng*); bị cáo Nguyễn Anh D tham gia thực hiện 03 vụ, trộm 03 chiếc xe mô tô các loại với giá trị tài sản trộm cắp theo kết luận định giá tài sản là 131.320.000đ (*Một trăm ba mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*) thì bị phát hiện và bắt giữ.

Bị cáo Nguyễn Thùy D là người không hứa hẹn trước, nhưng biết rõ là xe do các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L trộm cắp mà có, vì ham rẻ nên bị cáo đã mua tài sản trộm cắp của các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L 12 chiếc xe mô tô với tổng giá trị 168.398.600đ (*Một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm đồng*), mục đích để bán kiếm lời lấy tiền tiêu sài cho bản thân.

Bị cáo Nguyễn Văn T là người không hứa hẹn trước, nhưng biết rõ là xe do các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L, Nguyễn Anh D trộm cắp mà có, cũng vì ham rẻ nên bị cáo đã mua tài sản trộm cắp của các bị cáo 03 chiếc xe mô tô với

tổng trị giá 39.480.200đ (*Ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn hai trăm đồng*) mục đích để bán kiếm lời lấy tiền tiêu sài và sử dụng cho bản thân.

Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thùy D, Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận từ ngày 09/11/2017 đến ngày 23/5/2018 các bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của những người bị hại với tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 376.678.400đ(*Ba trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm đồng*). trong đó bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 376.678.400đ(*Ba trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm đồng*); bị cáo Phan Xuân L phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 217.830.400đ (*Hai trăm mười bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng*); bị cáo Nguyễn Anh D phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 131.320.000đ (*một trăm ba mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*); bị cáo Nguyễn Thùy D phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng giá trị tài sản tiêu thụ do người khác phạm tội mà có là 168.398.600đ (*Một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm đồng*); bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng giá trị tài sản tiêu thụ do người khác phạm tội mà có là 39.480.200đ (*Ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn hai trăm đồng*) . Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thùy D, Nguyễn Văn T đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 ; điểm a khoản 3 Điều 173 và Khoản 1 Điều 323; điểm c khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp liên tiếp 21 vụ, trộm cắp 21 xe mô tô trên địa bàn thành phố Lào Cai Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án

Bị cáo Phan Xuân L là người tiếp nhận mục đích và tích cực thực hiện hành vi phạm tội cùng với Nguyễn Văn T. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm là người thực hành trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Anh D là người tiếp nhận mục đích người và giúp sức thực hiện hành vi phạm tội cùng bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm là người giúp sức tích cực trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Thùy D phải chịu trách nhiệm chính với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm chính với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đều là người có sức khỏe, có học thức, nhưng do các bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, thiếu rèn luyện bản thân, để có tiền tiêu sài, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Xét về nhân thân các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Anh D có một tiền án: Tại bản án số 38A/2012/HSST ngày 21/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, xử phạt 03 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản” , ngày 27/7/2014 bị cáo trở về địa phương, nhưng chưa thi hành xong về phần trách nhiệm dân sự; bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực hiện trộm cắp 03 lần, trong đó có 01 lần giá trị tài sản trộm cắp là 76.000.000đ (bảy mươi sáu triệu đồng) đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm với tình tiết tăng nặng “ Tái phạm” và “ Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Bị cáo Nguyễn Thùy D có một tiền án: Bản án số 52/2008/HSST ngày 27/11/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 08 năm tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt 05 triệu đồng. Tháng 10/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt, đến nay chưa được xóa án tích. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm với tình tiết tăng nặng “ Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T chưa có tiền án, tiền sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thực hiện hành vi tiêu thụ do người khác phạm tội mà có 03 lần, cả 03 lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm với tình tiết tăng nặng “ Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L khai nhận do các bị cáo không có nghề nghiệp nên nguồn thu nhập chính của các bị cáo là trộm cắp tài sản, bán lấy tiền để nuôi sống bản thân. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm với tình tiết tăng nặng “ Phạm tội có tích chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện chất ma túy. Tại bản án số 121/2012 ngày 24/8/2012 của Tòa

án nhân dân thành phố Lào Cai xử 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 19/5/2015 bị cáo chấp hành xong trở về địa phương, đến nay đã được xóa án tích. Vì vậy, đối với các bị cáo cần phải có một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để tiếp tục cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, một phần tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật

[6] Về hình phạt bổ sung: Qua xét xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[7] Về phân trách nhiệm dân sự:

Đối với yêu cầu của người bị hại và những người có quyền lợi liên quan:

Vụ thứ nhất: Chị Nguyễn Thị T bị mất chiếc xe máy Honda Dream, BKS 24 K6- 2782, hiện tại chưa tìm được xe. Chị Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L phải bồi thường số tiền 10.600.000đ(Mười triệu sáu trăm ngàn đồng). Đối với yêu cầu của chị Tiến là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 288; 579, 580 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 10.600.000đ(Mười triệu sáu trăm ngàn đồng). Các bị cáo bán xe cho bị cáo Nguyễn Thùy D được 5.000.000đ(Năm triệu đồng), bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ(hai triệu đồng), bị cáo T được hưởng 3.000.000đ(ba triệu đồng). vì vậy bị cáo T phải chịu phần nhiều hơn. Phần của mỗi bị cáo là: Bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường 5.600.000đ(*Năm triệu sáu trăm ngàn đồng*); bị cáo Phan Xuân L bồi thường 5.000.000đ(*Năm triệu triệu đồng*).

Đối với Bị cáo Nguyễn Thùy D là người mua xe của bị cáo T, L sau đó bị cáo D bán 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) nhưng không nhớ bán cho ai. Đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên cần truy thu số tiền 6.000.000đ(Sáu triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thùy D để nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với với điểm b

khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ hai: Chị Đặng Thị H, ngày 27/7/2018 đã nhận lại chiếc xe WAVE anpha, không biển số màu đỏ, đen. Sau khi nhận lại tài sản chị Hương không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo T và L đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Thùy D 3.500.000đ(ba triệu năm trăm ngàn đồng), khi mua D biết là xe do trộm cắp mà có; sau đó D bán cho anh Nguyễn Tuấn Anh với giá 4.500.000đ(Bốn triệu năm trăm ngàn đồng), anh Nguyễn Tuấn Anh không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thùy D phải trả lại số tiền đã trả cho D.

Đối với số tiền Nguyễn Thùy D trả cho Nguyễn Văn T và Phan Xuân L 3.500.000đ(ba triệu năm trăm ngàn đồng), do các bị cáo đã chia nhau, bị cáo T 2.000.000đ(hai triệu đồng), bị cáo L 1.500.000đ(Một triệu năm trăm ngàn đồng). Đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo số tiền trên để nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền 4.500.000đ(Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) mà anh Nguyễn Tuấn A đã trả cho Nguyễn Thùy D. Do anh Nguyễn Tuấn A không yêu cầu D phải trả, trong đó có 1.000.000đ(Một triệu đồng) là tiền do thu lời bất chính, còn lại 3.500.000đ(ba triệu năm trăm ngàn đồng) là công cụ phạm tội, vì vậy cần truy thu số tiền 4.500.000đ(Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) của bị cáo Nguyễn Thùy D để nộp vào Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ ba: Anh D Văn Tý bị mất chiếc xe máy Honda Dream, màu nâu BKS 24 B1- 405.10 , hiện tại chưa tìm được xe. Anh D Văn Tý yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L phải bồi thường số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Đối với yêu cầu của anh Tý là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 288; 579, 580 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh D Văn Tý số tiền 17.000.000đ(Mười bảy triệu đồng). Các bị cáo bán xe cho bị cáo Nguyễn Thùy D được 5.000.000đ(Năm triệu đồng), khi mua D biết là xe do trộm cắp mà có; bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ(hai triệu đồng), bị cáo T được hưởng 3.000.000đ(ba triệu đồng). vì vậy bị cáo T phải chịu phần nhiều hơn. Phần của mỗi bị cáo là: Bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường 9.000.000đ(*Chín triệu đồng*); bị cáo Phan Xuân L bồi thường 8.000.000đ(*Tám triệu đồng*).

Đối với số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) bị cáo Nguyễn Thùy D bán xe cho người khác nhưng bị cáo nhớ bán cho ai, ở đâu, trong đó có 1.000.000đ (Một

triệu đồng) là tiền do thu lời bất chính, còn lại 5.000.000đ(năm triệu đồng) là công cụ phạm tội, vì vậy cần truy thu số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thùy D để nộp vào Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ tư: Anh Hoàng Văn C , ngày 30/7/2018 đã nhận lại chiếc xe Honda Dream, không biển số màu nâu. Sau khi nhận lại tài sản anh C không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo T và L đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Thùy D 5.000.000đ(Năm triệu đồng), khi mua D biết là xe do trộm cắp mà có; sau đó D bán cho anh Vũ Văn L với giá 7.000.000đ(Bảy triệu đồng), Vũ Văn L bán anh Vũ Tuấn Linh với giá 7.000.000đ(Bảy triệu đồng) , nay chiếc xe đã trả lại cho anh Cường, anh Vũ Tuấn Linh không yêu cầu anh Vũ Văn L phải trả lại số tiền đã trả cho Lâm; anh Vũ Văn L không yêu cầu Nguyễn Thùy D phải trả lại số tiền đã trả cho D.

Đối với số tiền Nguyễn Thùy D trả cho Nguyễn Văn T và Phan Xuân L 5.000.000đ(Năm triệu đồng), do các bị cáo đã chia nhau, bị cáo T 3.000.000đ(Ba triệu đồng), bị cáo L 2.000.000đ(Hai triệu đồng), đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo T 3.000.000đ(Ba triệu đồng), bị cáo L 2.000.000đ(Hai triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 7.000.000đ(Bảy triệu đồng) mà anh Vũ Văn L đã trả cho Nguyễn Thùy D. Do anh Vũ Văn L không yêu cầu D phải trả, trong đó có 2.000.000đ(Hai triệu đồng) là tiền do thu lời bất chính, còn lại 5.000.000đ(Năm triệu đồng) là công cụ phạm tội, vì vậy cần truy thu số tiền 7.000.000đ(Bảy triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thùy D để nộp vào Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ năm: Chị Bùi Thị H bị mất chiếc xe máy Honda Dream BKS 24 K1- 1232, hiện tại chưa tìm được xe. Chị Bùi Thị H yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L phải bồi thường số tiền 9.833.000đ (Chín triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng). Đối với yêu cầu của chị Huế là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 288; 579, 580 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị Bùi Thị H số tiền 9.833.000đ (Chín triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng). Các bị cáo bán xe cho bị cáo Nguyễn Thùy D được 5.000.000đ(Năm triệu đồng), khi mua D biết là xe do trộm cắp mà có; bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ(hai triệu đồng), bị cáo T được hưởng 3.000.000đ(ba triệu đồng). vì vậy bị cáo T phải chịu phần bồi thường nhiều hơn.

Phần của mỗi bị cáo là: Bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng); bị cáo Phan Xuân L bồi thường 4.333.000đ (*bốn triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng*).

Đối với số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) bị cáo Nguyễn Thùy D bán xe cho người thanh niên tên Toàn ở Trái Hút, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, đến nay Cơ quan điều tra xác minh không có đối tượng tên Toàn nhà ở Trái Hút, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, trong đó có 1.000.000đ (Một triệu đồng) là tiền do thu lời bất chính, còn lại 5.000.000đ (năm triệu đồng) là công cụ phạm tội, vì vậy cần truy thu số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thùy D để nộp vào Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ sáu: Anh Phan Văn H, ngày 10/10/2018 đã nhận lại chiếc xe Honda Dream, không biển số. Sau khi nhận lại tài sản anh Hiệp không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo T và L đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Thùy D 5.000.000đ (Năm triệu đồng), khi mua D biết là xe do trộm cắp mà có; sau đó D bán cho anh Đào Ngọc Hà với giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), nay chiếc xe đã trả lại cho anh Hiệp, anh Đào Ngọc Hà không yêu cầu Nguyễn Thùy D phải trả lại số tiền đã trả cho D.

Đối với số tiền Nguyễn Thùy D trả cho Nguyễn Văn T và Phan Xuân L 5.000.000đ (Năm triệu đồng), do các bị cáo đã chia nhau, bị cáo T 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bị cáo L 2.000.000đ (Hai triệu đồng), đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo T 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bị cáo L 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) mà anh Đào Ngọc Hà đã trả cho Nguyễn Thùy D. Do anh Đào Ngọc Hà không yêu cầu D phải trả, trong đó có 1.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền do thu lời bất chính, còn lại 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là công cụ phạm tội, vì vậy cần truy thu số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thùy D để nộp vào Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ bảy: Anh Nguyễn Minh T bị mất chiếc xe máy Honda Dream BKS 24 K2- 1779, hiện tại chưa tìm được xe. Anh Nguyễn Minh T yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L phải bồi thường số tiền 8.666.000đ (Tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Đối với yêu cầu của anh Tuấn là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 288; 579, 580 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo

phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Minh T số tiền 8.666.000đ (Tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Các bị cáo bán xe cho bị cáo Nguyễn Thùy D được 5.000.000đ (Năm triệu đồng), khi mua D biết là xe do trộm cắp mà có; bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ (hai triệu đồng), bị cáo T được hưởng 3.000.000đ (ba triệu đồng). vì vậy bị cáo T phải chịu phần bồi thường nhiều hơn.

Phần của mỗi bị cáo là: Bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 4.666.000đ (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng); bị cáo Phan Xuân L bồi thường 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Đối với số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) bị cáo Nguyễn Thùy D bán xe cho người khác nhưng không nhớ bán cho ai, ở đâu ,trong đó có 1.000.000đ (Một triệu đồng) là tiền do thu lời bất chính, còn lại 5.000.000đ (năm triệu đồng) là công cụ phạm tội. Vì vậy, cần truy thu số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thùy D để nộp vào Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ tám: Anh Hà Văn T bị mất chiếc xe máy Wava an pha BKS 24 B1-933.03, hiện tại chưa tìm được xe. Anh Hà Văn T yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L phải bồi thường số tiền 13.600.000đ (Mười ba triệu sáu trăm ngàn đồng). Đối với yêu cầu của anh Thuận là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 288; 579, 580 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Hà Văn T số tiền 13.600.000đ (Mười ba triệu sáu trăm ngàn đồng). Các bị cáo bán xe cho bị cáo Nguyễn Thùy D được 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng), khi mua D biết là xe do trộm cắp mà có; bị cáo T chia cho bị cáo L 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng), bị cáo T được hưởng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). vì vậy bị cáo T phải chịu phần bồi thường nhiều hơn.

Phần của mỗi bị cáo là: Bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); bị cáo Phan Xuân L bồi thường 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

Đối với số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) bị cáo Nguyễn Thùy D bán xe cho người khác nhưng không nhớ bán cho ai, ở đâu ,trong đó có 1.000.000đ (Một triệu đồng) là tiền do thu lời bất chính, còn lại 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) là công cụ phạm tội. Vì vậy, cần truy thu số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) của bị cáo Nguyễn Thùy D để nộp vào Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ chín: Anh Nguyễn Việt H, ngày 12/09/2018 đã nhận lại chiếc xe Honda E XCITER, không biển số. Sau khi nhận lại tài sản anh Hiệp không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo T đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Thùy D 13.000.000đ(Mười ba triệu đồng), khi mua D biết là xe do trộm cắp mà có; sau đó D bán cho anh Bàn Tồn Thim với giá 13.000.000đ(Mười ba triệu đồng), nay chiếc xe đã trả lại cho anh Huy, anh Bàn Tồn Thim không yêu cầu Nguyễn Thùy D phải trả lại số tiền đã trả cho D.

Đối với số tiền Nguyễn Thùy D trả cho Nguyễn Văn T 13.000.000đ(Mười ba triệu đồng) bị cáo T đã chia tiêu hết không chia cho bị cáo Nguyễn Anh D đồng nào. Đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo T số tiền 13.000.000đ(Mười ba triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 13.000.000đ(Mười ba triệu đồng) mà anh Bàn Tồn Thim đã trả cho Nguyễn Thùy D. Do anh Bàn Tồn Thim không yêu cầu D phải trả, đây là số tiền do phạm tội mà có, vì vậy cần truy thu số tiền 13.000.000đ(Mười ba triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thùy D để nộp vào Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vụ thứ mười: Anh Chín Văn Q bị mất chiếc xe máy Honda E XCITER BKS 24 B1- 857.76, hiện tại chưa tìm được xe. Anh Chín Văn Q yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L phải bồi thường số tiền 34.125.000đ (Ba mươi tư triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Đối với yêu cầu của anh Quân là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 288; 579, 580 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Chín Văn Q số tiền 34.125.000đ (Ba mươi tư triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Bị cáo Nguyễn Văn T bán xe cho người quen bị cáo Nguyễn Thùy D khoảng 20 tuổi(bị cáo D không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) được 10.000.000đ(*Mười triệu đồng*). Số tiền bán xe bị cáo T chi tiêu hết không chia cho Phan Xuân L đồng nào. Vì vậy, bị cáo T phải chịu phần bồi thường nhiều hơn.

Phần của mỗi bị cáo là: Bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 20.000.000đ (*Bảy triệu đồng*); bị cáo Phan Xuân L bồi thường số tiền 14.125.000đ(*Mười bốn triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Vụ thứ mười một: Anh Vũ Văn B bị mất chiếc xe máy Honda Wava an pha BKS 24 B1- 947.56, do không xác định được bị cáo T bán xe cho ai, số xe Cơ quan điều tra tạm giữ không xác định được chiếc xe nào của anh Vũ Văn B , nên không có căn cứ trả lại xe cho anh B . Anh Vũ Văn B yêu cầu các bị cáo Nguyễn

Văn T và Phan Xuân L phải liên đới bồi thường số tiền 12.513.600đ (Mười hai triệu năm trăm mười ba ngàn sáu trăm đồng). Đối với yêu cầu của anh Bảo là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 288; 579, 580 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Vũ Văn B số tiền 12.513.600đ (Mười hai triệu năm trăm mười ba ngàn sáu trăm đồng). Các bị cáo không nhớ bán xe trên cho bị cáo Nguyễn Thùy D hay bị cáo Nguyễn Văn T được 5.000.000đ (Năm triệu đồng); bị cáo T chia cho bị cáo L 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bị cáo T được hưởng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Vì vậy, bị cáo T phải chịu phần bồi thường nhiều hơn.

Phần của mỗi bị cáo là: Bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 6.513.600đ (Sáu triệu năm trăm mười ba ngàn sáu trăm đồng); bị cáo Phan Xuân L bồi thường số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Vụ thứ mười hai: Anh Nguyễn Bá K, ngày 24/7/2018 đã nhận lại chiếc xe Honda Wava an, không biển số. Sau khi nhận lại tài sản anh Kiên không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo T và L đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Văn T 5.000.000đ (Năm triệu đồng), khi mua T biết là xe do trộm cắp mà có; sau đó T bán cho anh Đặng Anh T với giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), nay chiếc xe đã trả lại cho anh Kiên, anh Đặng Anh T không yêu cầu Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền đã trả cho T.

Đối với số tiền Nguyễn Văn T trả cho Nguyễn Văn T và Phan Xuân L 5.000.000đ (Năm triệu đồng), do các bị cáo đã chia nhau, bị cáo T 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bị cáo L 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo T 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bị cáo L 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) mà anh Đặng Anh T đã trả cho Nguyễn Văn T. Do anh Đặng Anh T không yêu cầu T phải trả, trong đó có 1.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền do thu lời bất chính, còn lại 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là công cụ phạm tội, vì vậy cần truy thu số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Văn T để nộp vào Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vụ thứ mười ba: Chị Chử Thị K, ngày 24/7/2018 đã nhận lại chiếc xe Honda AI R BLADE, không biển số. Sau khi nhận lại tài sản chị K không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo T đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Văn T 10.000.000đ(Mười triệu đồng), khi mua T biết là xe do trộm cắp mà có; sau đó T đem về sử dụng mục đích cá nhân.

Đối với số tiền 10.000.000đ(Mười triệu đồng) Nguyễn Văn T trả cho Nguyễn Văn T bị cáo T chi tiêu hết không chia cho Phan Xuân L, Nguyễn Anh D đồng nào. Đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ mười bốn: Anh Nguyễn Đức A bị mất chiếc xe máy SH 150 BKS 24 P5- 6888, hiện tại chưa tìm được xe. Anh Nguyễn Đức A yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Anh D phải bồi thường số tiền 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng). Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Đức A là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 288; 579, 580 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Đức A số tiền 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng). Bị cáo Nguyễn Văn T bán xe cho đối tên Bảo ở thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh được 25.000.000đ(*Hai mươi lăm triệu đồng*). Cơ quan điều tra xác minh đối tượng tên Bảo nhưng không rõ tên tuổi cụ thể địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe trên. Số tiền bán xe bị cáo T chi tiêu hết không chia cho bị cáo Nguyễn Anh D đồng nào. Vì vậy, bị cáo T phải chịu phần bồi thường nhiều hơn.

Phần của mỗi bị cáo là: Bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*); bị cáo Nguyễn Anh D bồi thường số tiền 26.000.000đ(*Hai mươi sáu triệu đồng*).

Vụ thứ mười lăm: Anh Phùng Việt H , ngày 17/9/2018 đã nhận lại chiếc xe Honda DREAM, không biển số. Sau khi nhận lại tài sản anh Hùng không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo T và L đã bán chiếc xe trên cho Đào Ngọc Hà 5.000.000đ(Năm triệu đồng), khi mua Hà không biết là xe do trộm cắp mà có; nay chiếc xe đã trả lại cho anh Phùng Việt H , anh Đào Ngọc H không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền đã trả cho các bị cáo.

Đối với số tiền anh Đào Ngọc H trả cho bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L 5.000.000đ(Năm triệu đồng), do các bị cáo đã chia nhau, bị cáo T 3.000.000đ(Ba triệu đồng), bị cáo L 2.000.000đ(Hai triệu đồng) ,đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo T 3.000.000đ(Ba triệu đồng), bị cáo L 2.000.000đ(Hai triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với

điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ mười sáu: Anh Lục Văn M , ngày 25/7/2018 đã nhận lại chiếc xe Hon daWava an, không biển số. Sau khi nhận lại tài sản anh M không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản các bị cáo T, L đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Thùy D 3.500.000đ(Mười triệu đồng), khi mua D biết là xe do trộm cắp mà có; sau đó D để ở kho cầm đồ chưa kịp tiêu thụ.

Đối với số tiền 3.500.000đ(Mười triệu đồng) Nguyễn Thùy D trả cho bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Xuân L ; bị cáo T chia cho L 1.500.000đ(Một triệu năm trăm ngàn đồng); bị cáo T 2.000.000đ(Hai triệu đồng). Đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo L 1.500.000đ(Một triệu năm trăm ngàn đồng); bị cáo T 2.000.000đ(Hai triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ mười bảy: Anh Đoàn Hữu T, ngày 04/10/2018 đã nhận lại chiếc xe Honda Wava an, không biển số. Sau khi nhận lại tài sản anh Tình không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo T đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Thùy D 3.500.000đ(Ba triệu năm trăm ngàn đồng), khi mua D biết là xe do trộm cắp mà có; sau đó D để lại kho cầm đồ chưa kịp tiêu thụ thì bị thu giữ.

Đối với số tiền Nguyễn Thùy D trả cho Nguyễn Văn T 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng), do các bị cáo đã chia nhau, bị cáo T 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bị cáo L 1.500.000đ((Một triệu năm trăm ngàn đồng). Đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo T 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bị cáo L 1.500.000đ((Một triệu năm trăm ngàn đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ mười tám: Anh Đỗ Hữu L, ngày 05/10/2018 đã nhận lại chiếc xe Honda Wava an, không biển số. Sau khi nhận lại tài sản anh Lập không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo T bảo Lê Tuấn N mang xe trộm cắp đi cầm cố, Ngọc không biết là xe trộm cắp mà có nên đã đem cầm cố cho bà Lê Thị L được 6.000.000đ(Sáu triệu đồng). Số tiền này T đã chi tiêu hết, nay chiếc xe đã trả lại cho anh Lập, bà Lê Thị L không yêu cầu Lê Tuấn N phải trả lại số tiền bà đã trả

cho Ngọc để Ngọc đưa cho bị cáo T. Anh Lê Tuấn N không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền đã trả cho bị cáo.

Đối với số tiền anh Lê Tuấn N trả cho Nguyễn Văn T 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), bị cáo đã chi tiêu hết. Đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo T số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ mười chín: Anh Nguyễn Minh G, ngày 24/7/2018 đã nhận lại chiếc xe Honda Dream, không biển số. Sau khi nhận lại tài sản anh Giang không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo T và L đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Văn T 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng), khi mua T biết là xe do trộm cắp mà có; sau đó T bán cho anh Đặng Văn T với giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), nay chiếc xe đã trả lại cho anh Giang, anh Đặng Văn T không yêu cầu Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền đã trả cho T.

Đối với số tiền Nguyễn Văn T trả cho Nguyễn Văn T và Phan Xuân L 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng), do các bị cáo đã chia nhau, bị cáo T 3.500.000đ (Ba triệu đồng), bị cáo L 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo T 3.500.000đ (Ba triệu đồng), bị cáo L 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) mà anh Đặng Văn T đã trả cho Nguyễn Văn T. Do anh Đặng Văn T không yêu cầu T phải trả, trong đó có 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) là tiền do thu lời bất chính, còn lại 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) là công cụ phạm tội, vì vậy cần truy thu số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Văn T để nộp vào Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ thứ hai mươi: Anh Vũ Xuân B, ngày 26/7/2018 đã nhận lại chiếc xe Honda Super Dream, không biển số. Sau khi nhận lại tài sản anh B không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo T đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Thùy D 5.000.000đ (Năm triệu đồng), khi mua D biết là xe do trộm cắp mà có; sau đó D để lại kho cầm đồ chưa kịp tiêu thụ thì bị thu giữ.

Đối với số tiền Nguyễn Thùy D trả cho Nguyễn Văn T 5.000.000đ (Năm triệu đồng), bị cáo đã chi tiêu hết. Đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để nộp vào ngân

sách nhà nước là phù hợp với b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vụ hai mươi mốt: Chị Nghiêm Thị H, ngày 25/7/2018 đã nhận lại chiếc xe Honda Air Blade, không biển số. Sau khi nhận lại tài sản chị Hoài không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản bị cáo T đã bán chiếc xe trên cho anh Vũ Văn L 7.000.000đ(Bảy triệu đồng), khi mua anh Lâm không biết là xe do trộm cắp mà có; anh Vũ Văn L không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền đã trả cho T.

Đối với số tiền anh Vũ Văn L trả cho Nguyễn Văn T 7.000.000đ(Bảy triệu đồng), bị cáo đã chi tiêu hết. Đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 7.000.000đ(Bảy triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Về vật chứng và xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lào Cai đã thu giữ: Số tiền 1.500.000đ do phạm tội mà có của bị cáo Nguyễn Văn T; 01(một) chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn T số 063391982 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 13/12/2017; 01(một) túi chéo giả da màu nâu đã qua sử dụng, mặt trước của túi có dòng chữ JEEP- BLUO, túi có kích thước 20x 25 cm ; 03(ba) Cờ lê bằng sắt màu trắng một đầu hình tròn, trong có nhiều rãnh, một đầu có hình chữ U: Cờ lê số 1 có kích thước dài 18cm, rộng 12 mm, trên thân có dòng chữ “14 YETI ® USA STANDARD 14” và “14 CHROME-VANADIUM 14”; Cờ lê số 2 có kích thước dài 12cm, rộng 10mm, trên thân cả hai mặt có dòng chữ “10 CHROME VANADILM 10”; Cờ lê số 3 có kích thước dài 14cm, rộng 10mm, trên thân có hai dòng chữ “10 CHROME VANADILM 10” và “10 YETI ® USA STANDARD 10”; 01(một) con dao gấp bằng kim loại dài 15cm (khi gấp vào) dài 27cm (khi mở ra), phần lưỡi dao dài 12cm, trên thân lưỡi dao có dòng chữ AK-47CCCP; 03(ba) đoạn kim loại có một đầu hình lục giác, một đầu được đập dẹt gồm: Đoạn thứ nhất có chiều dài 8cm, rộng 8mm; đoạn thứ hai có chiều dài 4.8cm, rộng 8mm và đoạn thứ ba có chiều dài 4.4cm, rộng 8mm; 01(một) văm bằng kim loại có kích thước dài 8cm, phần đầu văm có dòng chữ “ TOP ® CR-V GERMANY8mm” được hàn cố định với một đoạn sắt hình chữ L, phần đầu dài 10,5cm, phần ngắn dài 3,5cm, có đường kính là 0,8cm; 01(một) tô vít có kích thước dài 20cm phần đầu được làm bằng kim loại dài 9cm, phần tay cầm được bọc bằng nhựa có sọc Đỏ-trắng- đen và có nhiều biểu tượng ngôi sao màu trắng; 04(bốn) biển kiểm soát xe mô tô cụ thể như sau: 01 biển kiểm soát 25F4 – 5322; 01 biển kiểm soát 29K1 - 206.65; 01 biển kiểm soát 27T1 – 1511; 01 biển kiểm soát 30S3 - 999.99.

Đối với số tiền 1.500.000đ thu giữa của bị cáo Nguyễn Văn T là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước là phù hợp với khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Đối với: 01(một) túi chéo giả da màu nâu đã qua sử dụng, mặt trước của túi có dòng chữ JEEP- BLUO, túi có kích thước 20x 25 cm ; 03(ba) Cờ lê bằng sắt màu trắng một đầu hình tròn, trong có nhiều rãnh, một đầu có hình chữ U: Cờ lê số 1 có kích thước dài 18cm, rộng 12 mm, trên thân có dòng chữ “14 YETI ® USA STANDARD 14” và “14 CHROME- VANADIUM 14”; Cờ lê số 2 có kích thước dài 12cm, rộng 10mm, trên thân cả hai mặt có dòng chữ “10 CHROME VANADILM 10”; Cờ lê số 3 có kích thước dài 14cm, rộng 10mm, trên thân có hai dòng chữ “10 CHROME VANADILM 10” và “10 YETI ® USA STANDARD 10”; 01(một) con dao gấp bằng kim loại dài 15cm (khi gấp vào) dài 27cm (khi mở ra), phần lưỡi dao dài 12cm, trên thân lưỡi dao có dòng chữ AK-47CCCP; 03(ba) đoạn kim loại có một đầu hình lục giác, một đầu được đập dẹt gồm: Đoạn thứ nhất có chiều dài 8cm, rộng 8mm; đoạn thứ hai có chiều dài 4.8cm, rộng 8mm và đoạn thứ ba có chiều dài 4.4cm, rộng 8mm; 01(một) vam bằng kim loại có kích thước dài 8cm, phần đầu vam có dòng chữ “ TOP ® CR-V GERMANY8mm” được hàn cố định với một đoạn sắt hình chữ L, phần đầu dài 10,5cm, phần ngắn dài 3,5cm, có đường kính là 0,8cm; 01(một) tô vít có kích thước dài 20cm phần đầu được làm bằng kim loại dài 9cm, phần tay cầm được bọc bằng nhựa có sọc Đỏ-trắng- đen và có nhiều biểu tượng ngôi sao màu trắng; 04 biển kiểm soát xe mô tô: 01 biển kiểm soát 25F4 - 5322, kết quả điều tra xác định biển kiểm soát trên là của anh Lù A Chung (trú tại thôn Dền Thành, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu), anh Chung làm rơi biển kiểm soát tại thành phố Lai Châu từ tháng 01 năm 2018. Đến nay anh đã được cấp lại biển kiểm soát xe nên không yêu cầu nhận lại; 01 biển kiểm soát 29K1 - 206.65, quá trình điều tra xác định có đăng ký mang tên là Nguyễn Thị Bích Liên (trú tại Gia Quất, Ngọc Thụy, L Biên). Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được chị Nguyễn Thị Bích Liên hiện đang ở đâu có đăng ký biển kiểm soát xe trên hay không; 01 biển kiểm soát 25T1 - 1511, kết quả điều tra xác định biển kiểm soát trên là của anh Ma A Lồng (trú tại thôn Tà Ngải 2, Mường Báng, Tủa Chùa), anh Lồng làm rơi biển kiểm soát trên ở địa bàn tỉnh Lào Cai đầu năm 2018. Đến nay anh đã được cấp lại biển kiểm soát xe nên không yêu cầu nhận lại; 01 biển kiểm soát 30S3 - 999.99, biển kiểm soát này không có trong cơ sở dữ liệu quản lý. Đây là các tài sản bị cáo dùng làm công cụ phạm tội và là vật không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với

điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01(một) chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn T số 063391982 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 13/12/2017 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

Về án phí : Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự ; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L, Nguyễn Anh D phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

Các bị cáo Nguyễn Thùy D, Nguyễn Văn T phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09(chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam 30/5/2018.

Xử phạt bị cáo Phan Xuân L 07(bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam 30/5/2018

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam 28/8/2018.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy D 03(ba) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam 30/5/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09(chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 288; 579, 580 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Xuân L, Nguyễn Anh D phải liên đới bồi thường cho những người bị hại chị Nguyễn Thị T; anh D

Văn Tý, chị Bùi Thị H, anh Nguyễn Minh T, anh Hà Văn T, anh Chín Văn Q, anh Vũ Văn B, anh Nguyễn Đức A. Phần của mỗi bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho những người bị hại với tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là: 108.279.600đ (Một trăm linh tám triệu hai trăm bảy mươi chín sáu trăm đồng), cụ thể như sau:

Bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 5.600.000đ(Năm triệu sáu trăm ngàn đồng);

Bồi thường cho anh D Văn Tý số tiền là 9.000.000đ(Chín triệu đồng);

Bồi thường cho chị Bùi Thị H số tiền là 5.500.000đ(Năm triệu năm trăm ngàn đồng);

Bồi thường cho anh Nguyễn Minh T số tiền là 4.666.000đ(Bốn triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng);

Bồi thường cho anh Hà Văn T số tiền là 7.000.000đ(Bảy triệu đồng);

Bồi thường cho anh Chín Văn Q số tiền là 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng);

Bồi thường cho anh Vũ Văn B số tiền là 6.513.600đ(Sáu triệu năm trăm mười ba ngàn sáu trăm đồng);

Bồi thường cho anh Nguyễn Đức A số tiền là 50.000.000(Năm mươi triệu đồng).

Bị cáo Phan Xuân L phải bồi thường cho những người bị hại với tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 48.058.000đ (Bốn mươi tám triệu không trăm năm năm mươi tám ngàn đồng), cụ thể như sau:

Bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 5.000.000đ(Năm triệu đồng);

Bồi thường cho anh D Văn Tý số tiền là 8.000.000đ(Tám triệu đồng);

Bồi thường cho chị Bùi Thị H số tiền là 4.333.000đ(Bốn triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng);

Bồi thường cho anh Nguyễn Minh T số tiền là 4.000.000đ(Bốn triệu đồng);

Bồi thường cho anh Hà Văn T số tiền là 6.600.000đ(Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng);

Bồi thường cho anh Chín Văn Q số tiền là 14.125.000đ(Mười bốn triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng);

Bồi thường cho anh Vũ Văn B số tiền là 6.000.000đ(Sáu triệu đồng)

Bị cáo Nguyễn Anh D phải bồi thường cho anh Nguyễn Đức A số tiền là 26.000.000đ(Hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải trả nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- *Về vật chứng của vụ án:* Áp dụng điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Tịch thu số tiền 1.500.000đ(một triệu năm trăm ngàn đồng) do phạm tội mà có của bị cáo Nguyễn Văn T để nộp vào Ngân sách nhà nước.

Truy thu để tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn T số tiền do phạm tội mà có là 62.500.000đ (*Sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu để tịch thu của bị cáo Phan Xuân L số tiền do phạm tội mà có là 14.500.000đ(*Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu để tịch thu của bị cáo Nguyễn Thùy D số tiền do phạm tội mà có là 59.000.000đ(*Năm mươi chín triệu đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu để tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn T số tiền do phạm tội mà có là 12.000.000đ(*Mười hai triệu đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy: 01(một) túi chéo giả da màu nâu đã qua sử dụng, mặt trước của túi có dòng chữ JEEP- BLUO, túi có kích thước 20x 25 cm;

03(ba) Cờ lê bằng sắt màu trắng một đầu hình tròn, trong có nhiều rãnh, một đầu có hình chữ U: Cờ lê số 1 có kích thước dài 18cm, rộng 12 mm, trên thân có dòng chữ “14 YETI ® USA STANDARD 14” và “14 CHROME- VANADIUM 14”; Cờ lê số 2 có kích thước dài 12cm, rộng 10mm, trên thân cả hai mặt có dòng chữ “10 CHROME VANADILM 10”; Cờ lê số 3 có kích thước dài 14cm, rộng 10mm, trên thân có hai dòng chữ “10 CHROME VANADILM 10” và “10 YETI ® USA STANDARD 10”;

01(một) con dao gấp bằng kim loại dài 15cm (khi gấp vào) dài 27cm (khi mở ra), phần lưỡi dao dài 12cm, trên thân lưỡi dao có dòng chữ AK-47CCCP; 03(ba) đoạn kim loại có một đầu hình lục giác, một đầu được đập dẹt gồm: Đoạn thứ nhất có chiều dài 8cm, rộng 8mm; đoạn thứ hai có chiều dài 4.8cm, rộng 8mm và đoạn thứ ba có chiều dài 4.4cm, rộng 8mm;

01(một) văm bằng kim loại có kích thước dài 8cm, phần đầu văm có dòng chữ “ TOP ® CR-V GERMANY8mm” được hàn cố định với một đoạn sắt hình chữ L, phần đầu dài 10,5cm, phần ngắn dài 3,5cm, có đường kính là 0,8cm;

01(một) tô vít có kích thước dài 20cm phần đầu được làm bằng kim loại dài 9cm, phần tay cầm được bọc bằng nhựa có sọc Đỏ-trắng- đen và có nhiều biểu tượng ngôi sao màu trắng;

04(bốn) biển kiểm soát xe mô tô cụ thể như sau: 01 biển kiểm soát 25F4 – 5322; 01 biển kiểm soát 29K1 - 206.65; 01 biển kiểm soát 27T1 – 1511; 01 biển kiểm soát 30S3 - 999.99.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01(một) chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn T số 063391982 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 13/12/2017;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2018 của Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều135 của Bộ luật tố tụng hình sự ; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.414.000đ(*Năm triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 5.614.000đ(*Năm triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Phan Xuân L phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.403.000đ(*Hai triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 2.603.000đ (*Hai triệu sáu trăm linh ba nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Anh D phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.300.000đ(*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 1.500.000đ(*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- THA dân sự;
- PV 27;
- CA TP;
- Bị cáo;
- Lưu HSTHA;
- Lưu HS – TA.

Nguyễn Thị Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thúy Hằng

